

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH L

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Thành Tâm

- *Thư ký phiên họp:* Bà Trần Thị Tâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh L:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên họp.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án Dân sự số 59/2023/QĐST-ST ngày 14/6/2023; Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L đã căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ giải quyết vụ án Dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” giữa:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần E; địa chỉ: lô 15, khu công nghiệp Q, thị trấn Q, huyện M, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông Nguyễn Cảnh H, là người đại diện theo pháp luật (Tổng Giám đốc).

+ Bà Trần Thị M, sinh năm: 1982; cư trú tại số 39 B, đường M, phường Đ, Quận 1, Thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 856, ngày 01/8/2020), vắng mặt.

+ Ông Phạm Hồng S, sinh năm: 1995; địa chỉ: số 39 Bis, đường M, phường Đ, Quận 1, Thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1061/2022/EW-MN-PC ngày 03/9/2022), có mặt.

Bị đơn: Bà Đặng Thị D, sinh năm: 1969; cư trú tại số 51/16, đường L, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh L; địa chỉ liên lạc: Lô 12BT khu biệt thự đôi A, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh L, có mặt.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKS-DS ngày 20/6/2023; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh L đã đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nói trên.

XÉT THẤY:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện của Công ty cổ phần E thì: Vào ngày 17/10/2016 Công ty cổ phần E (sau đây gọi là Công ty E) và Bà Đặng Thị D ký hợp đồng mua bán số 1639786/16315279/NR theo đó Công ty E thực hiện việc cung cấp và lắp đặt toàn bộ cửa đi, cửa sổ, kính và vách ngăn cho công trình: tên công trình là nhà ở tại địa chỉ Lô 12-BT, khu biệt thự đồi A, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh L; tổng giá trị của hợp đồng là 347.043.301đ, đã bao gồm thuế VAT. Quá trình thực hiện hợp đồng nói trên, Công ty cổ phần E đã thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với hợp đồng hai bên đã ký kết, toàn bộ số lượng sản phẩm theo hợp đồng đã được Công ty E tiến hành sản xuất và lắp đặt 100% theo khối lượng của hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Dậu đã thanh toán được 243.000.000đ, số tiền còn phải thanh toán là 104.043.301đ.

Sau khi tiền còn lại Công ty E đã nhiều lần yêu cầu bà Dậu thực hiện theo đúng hợp đồng; tất toán cho Công ty nhưng bà Dậu không hợp tác, hiện nay công trình đã đi vào sử dụng ổn định nhưng bị đơn vẫn không thanh toán số tiền còn lại mà cho rằng công trình chưa hoàn thành nhưng không có chứng cứ gì chứng minh, hiện tại công trình đã hết thời hạn bảo hành từ cuối năm 2019, do vậy Công ty E không chịu trách nhiệm sau thời gian bảo hành công trình.

Nay Công ty E yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Dậu trả lại số tiền 104.043.301đ và tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 01/6/2017 đến ngày 10/5/2023 là 11.289.275đ, tổng cộng là 215.332.576đ.

Bà Đặng Thị D thừa nhận có ký hợp đồng với Công ty E về việc lắp đặt, thi công sàn gỗ công trình nhà ở và tạm ứng cho nguyên đơn theo đúng quy định, tuy nhiên quá trình thi công, lắp đặt sàn gỗ thì Công ty E đã không đảm bảo về chất lượng. Từ năm 2017 bà đã nhiều lần gọi điện thoại cho Công ty yêu cầu sửa chữa lại sản phẩm cho chất lượng, tuy nhiên Công ty chưa hoàn thành công việc sửa chữa theo yêu cầu của bà như hợp đồng hai bên đã ký. Do đó bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 21/4/2023 bà Dậu có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện vụ án Dân sự đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án do đã hết thời hiệu khởi kiện.

Ngày 14/6/2023 Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án Dân sự số 59/2023/QĐST-DS với lý do: *“Căn cứ vào Điều 429 của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Căn cứ Điều 149 của Bộ luật Dân sự và Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự”*.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng;

Theo hợp đồng mua bán số 1639786/16315279/NR ngày 17/10/2016 giữa bà Đậu và Công ty cổ phần E; tại mục 2.4 Điều 2 của hợp đồng thể hiện “*Bên B được bảo lưu toàn bộ quyền sở hữu đối với tất cả các sản phẩm mà bên B đã sản xuất, hoặc bàn giao, lắp đặt cho bên A cho đến khi bên A thực hiện, hoàn thành các nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 2.3, Điều 2 hợp đồng này*”. Như vậy, trong thực tế khi hai bên ký hợp đồng mua bán đã thỏa thuận Công ty cổ phần E được bảo lưu quyền sở hữu đối với tất cả sản phẩm đã lắp đặt cho bà Đậu, việc bảo lưu quyền sở hữu chỉ chấm dứt khi bà Đậu hoàn thành các nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Đồng thời, tại điểm (i) khoản b mục 2.5 của hợp đồng thể hiện “*Hoặc có thể gia hạn cho bên A thêm một thời gian hợp lý và trong thời gian được gia hạn này, bên A vẫn phải tiếp tục trả lãi chậm thanh toán với lãi suất nêu trên tính từ thời điểm đến hạn thanh toán theo hợp đồng đến ngày thanh toán thực tế*”. Điều này có nghĩa là khi đến hạn mà bà Đậu chưa trả được thì Công ty E được quyền gia hạn thời hạn trả nợ cho bị đơn đồng thời bên mua phải chịu lãi suất chậm thanh toán. Xét thỏa thuận này là hợp pháp, đảm bảo cho quyền lợi của các hai bên khi tham gia giao dịch. Công ty E được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền sở hữu của mình cũng như do có thỏa thuận gia hạn trả nợ nên tại thời điểm nguyên đơn có đơn khởi kiện chưa có cơ sở để xác định thời hiệu khởi kiện đã hết.

Cấp sơ thẩm căn cứ vào quy định của pháp luật về giải quyết tranh chấp hợp đồng để tính thời hiệu theo đề nghị của bị đơn; cho rằng việc khởi kiện của nguyên đơn đã hết thời hiệu do đã quá 03 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm; áp dụng các Điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để đình chỉ việc giải quyết vụ án mà không xem xét đến sự thỏa thuận giữa các bên là chưa chính xác, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Do vậy cần chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh L, hủy toàn bộ Quyết định sơ thẩm.

[3] Về án phí: Án phí Dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Căn cứ điểm c khoản 5 Điều 314 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS ngày 20/6/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh L.

2. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án Dân sự số 59/2023/QĐST-DS ngày

14/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” giữa Công ty cổ phần E và Bà Đặng Thị D.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh L để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh L (01);
- Phòng KTNV & THA (01);
- TAND thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Đường sự (02);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Huỳnh Châu Thạch

[2.3] Theo hướng dẫn tại Giải đáp số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp một số vấn đề trong xét xử, tại mục III của Giải đáp thì theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về thời hiệu khởi kiện về hợp đồng: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*. Căn cứ quy định nêu trên thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Tuy nhiên, theo quy định khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp *“yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác”*. Do đó, Công ty cổ phần E có thể khởi kiện bà Đậu yêu cầu đòi lại tài sản (nợ gốc) và Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án mà không phụ thuộc vào việc các bên có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc hay không. Như vậy tại bản tự khai của bà Đậu bà Đậu đã thừa nhận hai bên ký hợp đồng thi công và số tiền còn nợ lại là 104.043.301đ chưa thanh toán.